



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG

## HAIPHONG ELECTRICITY WATER MACHINE ASSEMBLY JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 34 đường Thiên Lô - Phường Nghĩa Xá - Quận Lê Chân - Thành phố Hải Phòng - Việt Nam \* Email: dnc@diennuochp.com.vn  
Hotline: 1800588882 \* ĐT: 0225.3856 209 \* Fax: 0225.3785759 \* Website: www.diennuochp.com.vn \* Mã chứng khoán: DNC

### BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

#### CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG NĂM BÁO CÁO 2021

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

#### I. THÔNG TIN CHUNG

##### 1. Thông tin khái quát

- TÊN GIAO DỊCH: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG
- TÊN VIẾT TẮT: DNC
- GIẤY CHỨNG NHẬN ĐKDN SỐ: 0200155561 Do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp ngày 13/05/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 14.
- VỐN ĐIỀU LỆ: **51.378.500.000 đồng** (Năm mươi một tỷ ba trăm bảy mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng)
- VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU: **51.378.500.000 đồng** (Năm mươi một tỷ ba trăm bảy mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng)
- ĐỊA CHỈ: Số 34 đường Thiên Lô, phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân - TP. Hải Phòng
- ĐIỆN THOẠI: (84-0225) 3.856.209
- FAX: (84-0225) 3.785.759
- WEBSITE: [www.diennuochp.com.vn](http://www.diennuochp.com.vn)
- MÃ CHỨNG KHOÁN: **DNC** (Cổ phiếu phổ thông)

##### 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200155561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 21/10/2005 và thay đổi đăng ký lần thứ 14 vào ngày 13/05/2021, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

Hiện tại công ty hoạt động chủ yếu trong 03 lĩnh vực chính là:

- Truyền tải và phân phối bán lẻ điện
- Khai thác, xử lý và phân phối bán lẻ nước sạch

- Thi công xây lắp xây dựng các công trình điện, nước.

- Địa điểm hoạt động của Công ty gồm:

- **TRỤ SỞ CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 34 đường Thiên Lô, quận Lê Chân, TP.Hải Phòng.

- **XÍ NGHIỆP ĐIỆN AN DƯƠNG**

Địa chỉ: Xã An Đồng, huyện An Dương, TP.Hải Phòng

- **XÍ NGHIỆP ĐIỆN VĨNH BẢO**

Địa chỉ: Xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng

- **XÍ NGHIỆP ĐIỆN THỦY NGUYÊN**

Địa chỉ: Xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.

- **CHI NHÁNH HẠ LONG**

Địa chỉ: ki- ốt C 238 khu phố cổ Sunworld, đường Hạ Long, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

- **CHI NHÁNH HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ:Tầng 3 tòa nhà Minh Anh Plaza, số 76-80 phố Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

- **CHI NHÁNH HƯNG YÊN**

Địa chỉ:Tầng 1 tòa nhà A3 khu đô thị Thương Mại Du lịch Văn Giang Xã Xuân Quan huyện Văn Giang tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

### **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

Công ty Cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng hoạt động theo mô hình quản trị của Công ty đại chúng niêm yết, được chuyển đổi từ công ty Nhà nước sang công ty cổ phần tư nhân 100%.

- Mô hình quản trị:

**Đại hội đồng cổ đông;**

**Hội đồng quản trị;**

**Ủy Ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;**

**Ban Tổng Giám đốc.**

- Các Phòng Ban chức năng và các đơn vị trực thuộc:

- ✓ Các Phòng nghiệp vụ:

- Phòng Kinh doanh: Thực hiện các hoạt động mua bán sản phẩm, dịch vụ đầu vào và quản lý, theo dõi các hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng. Phát triển, mở rộng khách hàng và phạm vi cung cấp. Lập và theo dõi kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Phòng kỹ thuật: Thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn về kỹ thuật, phối kết hợp cùng với các xí nghiệp điện và chi nhánh đảm bảo kỹ thuật về điện, an toàn điện và phòng chống quá tải, tổn thất điện năng...
- Phòng Tài chính: Thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, tài chính theo đúng quy định của pháp luật. Đảm bảo các nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Phòng Tổ chức hành chính: Quản lý Hành chính, Tổ chức, Lao động, Tiền lương.
- ✓ Các Xí nghiệp trực thuộc: Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Giám đốc.
- ✓ Các chi nhánh hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Giám đốc.

#### 4. Định hướng phát triển

##### 4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2022

##### Các chỉ tiêu kinh tế:

TT	Chỉ tiêu	Sản lượng (KWh) ( m <sup>3</sup> )	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ lệ tổn thất (%)
<b>A</b>	<b>Tổng sản lượng, doanh thu</b>	<b>290.185.000</b>	<b>680.000</b>	
I	Kinh doanh điện	290.185.000	657.200	4,4%
1	XN điện An Dương	124.066.000	283.500	4,88%
2	XN điện Thủy Nguyên	52.241.000	110.000	5,7%
3	XN điện Vĩnh Bảo	44.262.000	88.200	5,08%
4	Chi nhánh Hạ Long	4.562.000	12.000	6,0%
5	Chi nhánh Hải Dương	4.577.000	12.000	2,2%

6	Chi nhánh Hưng Yên	58.325.000	146.500	1,8%
7	Tiếp nhận các dự án mới	2.152.000	5.000	
II	Kinh doanh nước	922.000	14.800	5,0%
1	Các khu đô thị - XN điện An Dương	682.000	9.700	5,0%
2	Chi nhánh Hạ Long	240.000	5.100	5,0%
III	Kinh doanh khác		8.000	
<b>B</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>35.500 triệu đồng</b>		
C	Các khoản nộp NSNN	16.000 triệu đồng		
D	Tỷ lệ chia cổ tức	≥ 20%		
	Cổ phiếu thưởng	= 25%		
F	Lương bình quân	11.600.000 đồng/ng/th		

\* Triển khai các dự án đầu tư:

1. Đầu tư xây dựng các trạm biến áp trên địa bàn các xã, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện khách hàng, chất lượng điện năng cung cấp: Xây dựng mới 16 TBA với tổng công suất là 8.160 KVA.

2. Nâng công suất máy biến áp:

+) Các TBA của Công ty quản lý thuộc địa bàn xã An Đồng:

- Trạm Vĩnh Khê 1 công suất 400KVA lên 630KVA.
- Trạm Vĩnh Khê 4 công suất 400KVA lên 630KVA.
- Trạm Vân Tra 1 công suất 400KVA lên 630KVA
- Trạm Tôn Đức Thắng 6 công suất 400KVA lên 630KVA
- Trạm Tôn Đức Thắng 10 công suất 400KVA lên 630KVA
- Trạm Bơm An Đồng công suất 400KVA lên 630KVA

+) Các TBA của Điện lực quản lý:

- Tại xã Hòa Bình: Trạm Đông Phương 3 công suất 250KVA lên 560KVA,
- Tại các xã thuộc huyện Vĩnh Bảo 03 TBA, bao gồm: Trạm Thâm Động từ 320KVA lên 560KVA, Trạm Tam Đa 3 từ 400KVA lên 560KVA, Trạm Đông Lôi 400KVA lên 560KVA.

3. Đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống đường dây hạ thế để san tải các TBA và chống quá tải. Tổng khối lượng 23.000 mét

+ ) XN điện An Dương: 10.000 mét.

+ ) XN điện Thủy Nguyên: 7.000 mét.

+ ) XN điện Vĩnh Bảo: 6.000 mét.

4. Phát triển khách hàng mới:

+ ) Phát triển thị trường kinh doanh điện, nước:

-Tiếp cận các dự án nhà ở, các khu đô thị mới trên địa bàn thành phố Hải Phòng để tiếp nhận quản lý, khai thác kinh doanh điện, nước.

-Tiếp nhận hệ thống điện, nước tại khu dự án Sun Marina Town của Tập đoàn Sun Group tại Bãi Cháy, Quảng Ninh.

-Thống nhất với Chủ đầu tư là Công ty CP Đầu tư bất động sản & Thương mại Thăng Long về phương án tiếp nhận, quản lý, vận hành và khai thác hệ thống điện tại Dự án Green City Phố Nối Hưng Yên.

-Thỏa thuận ký lại hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển du lịch Vinaconex tại Dự án khu đô thị Cái Giá – Cát Bà, thực hiện tiếp nhận bàn giao quản lý vận hành hệ thống điện – nước khi chủ đầu tư hoàn thiện công tác thi công.

-Lập phương án và thỏa thuận hợp tác với Tập đoàn FLC về việc quản lý, vận hành, kinh doanh bán điện tại các Dự án khu đô thị của Tập đoàn FLC trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

-Khảo sát, thống nhất với Công ty cổ phần Tập đoàn Ecopark về việc thực hiện tiếp nhận, chuyển giao quản lý, vận hành, khai thác nhà máy sản xuất nước sạch và hệ thống cung cấp nước tại khu đô thị Ecopark Hưng Yên.

## **4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn ( 2022-2026)**

### **4.2.1. Mục tiêu**

- Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát huy tối ưu nguồn lực sẵn có để duy trì và đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng hàng năm từ 12 - 15%.

- Tập trung củng cố, phát triển lĩnh vực ngành nghề kinh doanh chính của Công ty đó là lĩnh vực kinh doanh điện, nước. Đầu tư cải tạo, ổn định hệ thống lưới điện, nước phát triển mở rộng thị trường kinh doanh, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- Thực hiện các biện pháp nhằm tiếp tục giảm tỷ lệ tổn thất điện năng, thực hiện các chương trình tiết kiệm trong quản lý, phân phối và bán lẻ điện, nước.

- Đảm bảo công ăn việc làm, cải thiện thu nhập và điều kiện làm việc cho cán bộ công nhân viên, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

- Đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn kinh doanh.

#### 4.2.2. Các chỉ tiêu kế hoạch 5 năm

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
1. Vốn điều lệ	64,2	64,2	80,3	80,3	100
2. Doanh thu	680	809	971	915,0	1.100,0
3. Lợi nhuận trước thuế TNDN	33,3	36	39	39,5	44,0
4. Lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)	11,6	12,4	13,9	12,6	13,6
5. Tỷ lệ trả cổ tức	≥20%	≥20%	≥20%	≥20%	≥20%

#### 4.2.3. Kế hoạch triển khai các dự án đầu tư.

1. Phát triển thị trường kinh doanh điện, nước, phát triển khách hàng tại các địa bàn của thành phố và các thành phố lân cận.
2. Chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại số 34 - Đường Thiên Lô, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng:

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Cơ cấu tổ chức lao động hiện nay do đặc thù kinh doanh Công ty bố trí, sắp xếp lại các đơn vị, bố trí lại cán bộ. Các đơn vị trong Công ty bao gồm 3 xí nghiệp điện,

03 Chi nhánh, phòng Kinh doanh, phòng Kỹ thuật an toàn, phòng Tài chính, phòng Tổ chức hành chính với số lao động hiện nay 146 người.

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Doanh thu bán hàng: 567.630.676.354 đ, tăng 143% so với năm 2020
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: 32.180.937.849 đ
- Lợi nhuận khác: 1.178.762.499 đ
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 33.359.700.348 đ
- Sản lượng điện tiêu thụ năm 2021: 254 triệu KWh, tăng 135% so với năm 2020

### **2. Tổ chức và nhân sự**

#### **2.1 Ban điều hành**

- + Tổng giám đốc: Lê Hữu Cảnh - Ủy viên HĐQT số cổ phần nắm giữ: 637.475 CP
- + Kế toán trưởng: Mai Thị Thanh Hà - số cổ phần nắm giữ: 30.000 CP
- + Phó tổng giám đốc: Nguyễn Văn Thao số cổ phần nắm giữ: 62.528 CP

#### **2.2 Số lượng lao động và chính sách với người lao động**

- + Số lượng cán bộ công nhân viên: 146 người trong đó:

Trình độ đại học và trên đại học: 52 người

Cao đẳng, trung cấp: 25 người

Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông: 69 người

#### **Thực hiện đúng, đầy đủ chế độ chính sách đối với người lao động:**

- Thực hiện chi trả tiền lương, thưởng kịp thời đúng chế độ.
- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho người lao động
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ cán bộ công nhân viên
- Tổ chức biểu dương con em cán bộ CNV có thành tích học tập xuất sắc

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

#### **3.1 Thực hiện đầu tư, sửa chữa, nâng cấp hệ thống tài sản.**

##### **3.1.1. Đầu tư hệ thống lưới điện:**

\*Trong năm 2021, Công ty đầu tư xây dựng Xây dựng đường dây trung thế và 08 TBA, công suất tương đương 4.290KVA, trong đó:

- Xí nghiệp An Dương xây dựng 04 TBA: Trạm Kiều Đông 4 công suất 630KVA tại xã Hồng Thái; Trạm Văn Xá công suất 560KVA, Trạm Kiều Hạ 4 công suất 400KVA, Trạm Đồng Vỡ công suất 320KVA thuộc xã Quốc Tuấn.
- Xí nghiệp Thủy Nguyên xây dựng 04 TBA: Trạm Ủy ban 2 công suất 630KVA, Trạm Vũ Yên 2 công suất 630KVA tại xã Lập Lễ; Trạm Hà Phú 4 công suất 560KVA tại xã Hòa Bình; Trạm Lôi Động 6 công suất 560KVA tại xã Hoàng Động.

\* Nâng công suất các TBA

Thực hiện nâng công suất 14 TBA, tăng thêm 2.020KVA. Trong đó:

+) Các TBA là tài sản của Công ty:

- Xí nghiệp An Dương nâng công suất 03 TBA: Trạm Văn Cú từ 400KVA lên 630KVA, Trạm Vĩnh Khê 2 từ 400KVA lên 630KVA, Trạm TĐT 12 từ 320KVA lên 560KVA.

+) Các TBA là tài sản của Điện lực 11 trạm:

- Xí nghiệp An Dương 02 trạm: Trạm Minh Kha 2 từ 400KVA lên 560KVA, Trạm Xóm Mới từ 320KVA lên 400KVA.
- Xí nghiệp Thủy Nguyên nâng công suất 01 TBA: Trạm Hà Phú 1 từ 320KVA lên 560KVA.
- Xí nghiệp Vĩnh Bảo nâng công suất 08 TBA: Trạm Điềm Niêm từ 400KVA lên 560KVA, Trạm Liên Am 4 từ 250KVA lên 400KVA, Trạm Vinh Quang 3 từ 250KVA lên 400KVA, Trạm quân Thiềng từ 180KVA lên 250KVA, Trạm Chanh Chử 1 từ 320KVA lên 400KVA, Trạm Trại Chanh từ 180KVA lên 250KVA, Trạm Vĩnh Long 1 từ 320KVA lên 400KVA, Trạm Vĩnh Long 3 từ 320KVA lên 400KVA.

\* Lắp phát sinh, thay định kỳ công tơ:

- Khách hàng đăng ký sử dụng nước: 219 khách hàng.
- Khách hàng đăng ký sử dụng điện: Lắp phát sinh 2.421 công tơ
- Số lượng thay, kiểm định công tơ điện tại các xí nghiệp là: 11.157 công tơ

3.1.4. Đầu tư xây dựng, sửa chữa văn phòng các đơn vị:

+ Xây dựng văn phòng làm việc xã: Thắng Thủy, Đồng Thái.

**3.2. Mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh điện, nước:**



- Tiếp nhận quản lý, vận hành và kinh doanh điện tại Khu đô thị Ecopark Hưng Yên
- Tiếp nhận hệ thống điện tại Dự án nhà ở Hoàng Huy, An Đông - GD2.
- Khu đất đầu giá quyền sử dụng đất phường Nam Hải, quận Hải An.
- Khu tái định cư Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo.
- Khu TĐC dự án đô thị Bắc Sông Cấm, huyện Thủy Nguyên.

### 3.3. Tổng số tài sản lưới điện, bao gồm:

- Số lượng 305 trạm biếp áp với tổng công suất TBA: 221.320kVA. Trong đó 72 TBA là tài sản Công ty đầu tư, 132 TBA tiếp nhận từ các dự án và 101 TBA là tài sản của các Điện lực.

### 3.4. Số khách hàng sử dụng điện, nước : 70.321 KH.

## 4. Tình hình tài chính.

### 4.1. Tình hình tài chính

Theo số liệu Báo cáo Tài chính Hợp nhất năm 2020 và 2021 đã được kiểm toán, tình hình Tài chính của Công ty thể hiện như sau:

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tỷ lệ tăng giảm (%)
1	Tổng giá trị Tài sản	97.198	113.864	17%
2	Doanh thu thuần	396.381	567.630	14%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	22.578	32.203	42%
4	Lợi nhuận khác	3.034	1.178	38%
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	25.611	33.381	30%
6	Lợi nhuận sau thuế	20.401	26.319	29%
7	Tỷ lệ trả cổ tức tiền mặt	20%	25%	5%

### 4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,81	2,20

	Hệ số thanh toán nhanh	1,19	1,56
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	29,3%	26,6%
	Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	41,4%	36,3%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	Vòng quay vốn lưu động	7,72	8,45
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	4.08	4,99
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,15%	4,64%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	29,68%	31,53%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	20,99%	23,11%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần.	5,7%	5,7%

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ đầu tư của chủ sở hữu

### a) cổ phần

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 5.137.850 cổ phần
- Tổng số cổ phần phổ thông: 5.137.850 cổ phần

### 5.2 Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách chốt ngày 22/02/2022 cơ cấu cổ đông của công ty như sau:

Stt	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng số cổ đông	135	5.137.850	100%
2	- Cổ đông lớn	5	3.875.113	75,4%
3	- Cổ đông trong nước	126	5.118.233	99,6%
4	- Cổ đông nước ngoài	9	19.617	0,4%
5	- Cổ đông tổ chức trong nước	2	329.451	6,4%
6	- Cổ đông tổ chức nước ngoài	5	15.415	0,3%

### 5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu: có

### 5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

5.5 Các chứng khoán khác: Không có

### **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Trong năm 2021 vẫn còn nhiều khó khăn do khách quan của nền kinh tế nhưng Công ty cũng đã thực hiện được những mục tiêu chiến lược đã đề ra đó là:

- Đảm bảo mức tỷ lệ chia cổ tức cho cổ đông theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ;
- Người lao động có việc làm ổn định, đời sống được nâng lên, cán bộ công nhân viên trong nội bộ đoàn kết cao;
- Công tác kinh doanh điện mang lại doanh thu và lợi nhuận tốt mặc dù tình hình COVID diễn biến phức tạp, giảm đáng kể tỷ lệ tổn thất điện năng toàn Công ty;
- Thực hiện tốt công tác chăm sóc khách hàng. Trong năm không có đơn từ khiếu nại;
- Công tác đào tạo về nghiệp vụ luôn được Công ty chú trọng, thường xuyên có những buổi đào tạo nội bộ và thuê giảng viên về giảng dạy cho cán bộ nhân viên về nghiệp vụ nói chung và về giao tiếp, chăm sóc khách hàng;
- Mở rộng thị trường, tiếp nhận thêm dự án trên địa bàn và mở rộng sang các tỉnh lân cận;
- Công tác đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo lưới điện thực hiện thường xuyên đảm bảo cung cấp chất lượng điện tốt nhất phục vụ khách hàng.

Công tác đóng góp cho xã hội cũng được lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm.

#### **2. Tình hình tài chính**

##### **2.1 Phân tích tình hình tài sản**

Năm 2021 tình hình Tài chính của Công ty rất ổn định, Trong năm tài chính năm 2021 Công ty không phát sinh nợ xấu.

##### **2.2 Phân tích khả năng sinh lợi, khả năng thanh toán**

Với tính chất và ngành nghề Kinh doanh ổn định vì vậy Khả năng sinh lợi từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là tốt, năm sau cao hơn năm trước.

Khả năng thanh toán nhanh và rất được đảm bảo.

#### **IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty về hoạt động của ban giám đốc Công ty

- Thực hiện nghiêm các quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo Pháp luật và Điều lệ Công ty. Chấp hành đầy đủ mọi qui định yêu cầu về quản trị Công ty và công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các cơ quan chức năng.

- Hội đồng quản trị ban hành các quy chế nội bộ, quy định theo pháp luật Nhà nước đúng theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

- Hội đồng quản trị thực hiện giám sát đầy đủ hoạt động của Ban tổng giám đốc trong công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch trung hạn, kế hoạch SXKD hàng năm để đảm bảo các quyết định về hoạt động Công ty tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như qui định pháp luật.

- Hội đồng quản trị đã nghiêm túc xem xét từng vấn đề và yêu cầu Ban điều hành phải chủ động tích cực mở rộng quan hệ tìm kiếm thị trường mở rộng 3 địa bàn hoạt động kinh doanh điện trong thành phố Hải Phòng, 02 khu dự án Ecopark tại Hải Dương và Hưng Yên, xây dựng các biện pháp quản lý phù hợp với mô hình kinh doanh, kiểm soát chặt các khoản mục chi phí... nâng cao trách nhiệm và khả năng quản lý đạt hiệu quả và an toàn sản xuất.

- Năm 2021 hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế do Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 đề ra, tạo việc làm ổn định và tăng lương theo quy định Nhà nước cho người lao động trong Công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

2. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022

- Không ngừng nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của HĐQT, ban Tổng giám đốc trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty, đảm bảo tạo điều kiện và phát huy tối đa năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý điều hành.

- HĐQT giám sát chặt chẽ quá trình điều hành hoạt động của Tổng giám đốc và ban điều hành.

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt và các cán bộ công nhân viên tham gia các khóa học trong và ngoài Công ty. Áp dụng những phương

pháp quản trị hiện đại; thực hiện tốt việc giám sát và chỉ đạo đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Cam kết bảo toàn, phát triển vốn và đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư.
- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và mô hình quản lý của Công ty, phân cấp cụ thể đối với từng bộ phận và cá nhân nhằm nâng cao vai trò chủ động, phát huy tối đa mọi nguồn lực để triển khai thực hiện nhiệm vụ.
- Tăng cường sự kiểm tra, giám sát các hoạt động của từng bộ phận để phân tích, đánh giá kết quả thực hiện, tìm biện pháp xử lý và xây dựng phương án sản xuất kinh doanh từng tháng; quý sát với thực tiễn.
- Thắt chặt các biện pháp quản lý để kiểm soát chi phí ở mức tiết kiệm nhất.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

1.1) Ông Đỗ Huy Đạt sinh năm 1958 - Chủ tịch HĐQT

Cổ phần sở hữu 1.275.853 cổ phần

1.2) Ông Lê Hữu Cảnh sinh năm 1964 - Ủy viên HĐQT- Tổng giám đốc.

Cổ phần sở hữu 637.475 cổ phần

1.3) Ông Nguyễn Trung Kiên sinh năm 1961- Ủy viên HĐQT.

Cổ phần sở hữu 1.277.535 cổ phần.

1.4) Ông Tạ Văn Sơn sinh năm 1960 – Ủy viên HĐQT, Chủ tịch UBKT.

Cổ phần sở hữu 23.717 cổ phần.

1.5) Bà Vũ Thị Lương Dung sinh năm 1975 - Ủy viên HĐQT- Giám đốc KD.

Cổ phần sở hữu 170.672 cổ phần

1.6) Bà Lại Thị Vinh sinh năm 1965 –Ủy viên HĐQT

Cổ phần sở hữu 39.098 cổ phần

### 1.1. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Năm 2021 Hội đồng quản trị đã tiến hành 05 phiên họp với các thành viên HĐQT, ban Tổng giám đốc, ban kiểm toán để triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 với các nội dung cụ thể như sau:

**a). Phiên họp lần thứ 1 (ngày 26/02/2021) Thảo luận Công tác chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 03/4/2021. Nội dung gồm:**

- Bầu HĐQT nhiệm kỳ mới;

- Sửa đổi Điều Lệ;
- Điều chỉnh mô hình tổ chức Công ty: Điều Lệ điều 11;
- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

**1) Thành lập ban tổ chức: Ban Kiểm phiếu, ban kiểm tra tư cách, ban thư ký**

- Ông Cảnh Trường ban phụ trách các vấn đề báo cáo tài chính tại Đại hội
- Ông Thao báo cáo KH 5 năm nhiệm kỳ (2021-2026)
- Báo cáo HĐQT bà Dung chuẩn bị
- Báo cáo BKS bà Hà chuẩn bị

**2) Sửa đổi Điều Lệ**

- Một số sửa đổi giao cho HĐQT soạn thảo và trình ĐHĐCĐ thường niên
- Biểu Quyết thông qua hội đồng quản trị

**3) HĐQT nhất trí giao nhiệm vụ cho đồng chí Cảnh chỉ đạo và phân công công việc cho từng thành viên trong ban chuẩn bị Đại hội.**

- Thành lập Ban kiểm tra tư cách ;
- Thành lập Ban kiểm phiếu ;
- Thành lập Ban Thư ký .

**b). Phiên họp lần thứ 2 (ngày 05/4/2021) Bầu Chủ tịch HĐQT, Thành lập phòng Kỹ thuật an toàn, phòng Tổ chức hành chính, bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc, kế toán trưởng và bổ nhiệm các chức danh quản lý khác.**

Mục đích, chương trình và nội dung họp:

**Bầu Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật Công ty nhiệm kỳ 4 (2021-2026):**

- Ông Đỗ Huy Đạt được bầu giữ chức Chủ tịch HĐQT và là người đại diện theo Pháp luật Công ty.

**Bổ nhiệm Tổng giám đốc và các chức danh quản lý:**

1. Ông Lê Hữu Cảnh giữ chức Tổng giám đốc Công ty.
2. Ông Tạ Văn Sơn giữ chức Chủ tịch Ủy ban kiểm toán Công ty.
3. Bà Mai Thị Thanh Hà giữ chức Kế toán trưởng Công ty.
4. Ông Nguyễn Văn Thao - Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hạ Long.
5. Bà Vũ Thị Lương Dung - Giám đốc kinh doanh.

6. Ông Nguyễn Văn Ninh - Giám đốc Xí nghiệp điện An Dương.

7. Ông Lê Xuân Hạnh - Giám đốc Xí nghiệp điện Vĩnh Bảo.

8. Ông Nguyễn Văn Duyên - Giám đốc Chi nhánh Hải Dương.

- Hội đồng quản trị nhất trí thành lập Ủy ban kiểm toán gồm 02 thành viên HĐQT là: Ông Tạ Văn Sơn làm Chủ tịch UBKT và Ông Nguyễn Trung Kiên làm thành viên UBKT.

- Thành lập Ban kiểm toán nội bộ gồm 03 thành viên là: Ông Nguyễn Trung Kiên làm Trưởng ban, Bà Nguyễn Thị Thu Hà và Bà Dương Thùy Linh làm Ủy viên.

- Bà Vũ Thị Lương Dung là Người phụ trách quản trị và Công bố thông tin Công ty .

- Bà Nguyễn Thị Thu Hà là Thư ký HĐQT và Thư ký của Công ty.

**\* Xây dựng các Quy chế của Công ty và các chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc:**

- Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và Ban kiểm toán nội bộ;

- Bản phân công chức năng, nhiệm vụ của HĐQT;

- Dự thảo Quy chế quản trị Công ty;

- Quy chế tài chính, tiền lương, phân công nhiệm vụ Ban tổng giám đốc; chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban, Xí nghiệp điện, chi nhánh.

**\* Thay đổi chữ HEWMAC trên con dấu của Công ty hiện tại thành chữ DNC.HP** HĐQT nhất trí với các nội dung trên biểu quyết 100%.

**c). Phiên họp lần thứ 3 (ngày 07/05/2021) nhằm đánh giá kết quả SXKD Quý I và thông qua kế hoạch SXKD quý II với các nội dung:**

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ : 100.751.827.380 đồng

+ Tỷ lệ tổn thất điện năng : 4,46%

+ Lợi nhuận trước thuế: 3.249.366.222 đồng

**Thông qua kế hoạch SXKD quý 2 năm 2021.**

- Kinh doanh điện: 128.271 triệu đồng
  - Kinh doanh nước sạch: 2.660 triệu đồng
  - Tỷ lệ tổn thất điện năng: 5,0%
  - Tỷ lệ tổn thất nước: 3,6%
  - Thi công xây dựng TBA Văn Xá, Kiều Đông 4 - An Dương, Ủy Ban 2- Lập Lễ
  - Khảo sát, thiết kế, xin mặt bằng TBA Mai Chử, Cái Tắt 5- xí nghiệp An Dương, Lôi Động 6 – xí nghiệp Thủy Nguyên
  - Thay thế, bổ sung hệ thống dây đường trực quá tải: 11.000 m
- \* Xem xét, thông qua và ban hành các quy chế quản trị DNC nhiệm kỳ 2021-2026.*

**d) Phiên họp lần thứ 4 (ngày 31/7/2021) nhằm đánh giá kết quả SXKD Quý II/ 6 tháng đầu năm và thông qua kế hoạch SXKD quý III với các nội dung:**

**I. Về kết quả SXKD Quý II năm 2021:**

1. Doanh thu điện: 139.853 Triệu đồng  
Sản lượng: 64.816.755 Kwh  
Tỷ lệ tổn thất: 3,89%.
2. Doanh thu nước: 3.232 Triệu đồng  
Sản lượng: 199.308 m<sup>3</sup>  
Tỷ lệ tổn thất: 4,89%
3. Doanh thu khác: 2.263 Triệu đồng
4. Công tác đầu tư cải tạo hệ thống lưới điện:
  - Thi công, xây dựng, nghiệm thu đóng điện 02 TBA: Trạm Văn Xá - xã Quốc Tuấn với công suất 560KVA và Trạm Ủy Ban 2 công suất 630 KVA – Lập Lễ
  - Thực hiện thủ tục xin phê duyệt mặt bằng, hồ sơ thiết kế, dự toán xây dựng 02 TBA: Trạm Kiều Đông 4 – Xí nghiệp Điện An Dương; TBA Nhân Lễ – Xí nghiệp Điện Vĩnh Bảo.

**II. Về kết quả SXKD thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2021:**

1. Doanh thu điện: 237.082 Triệu đồng
- Sản lượng: 112.172.714 Kwh
- Tỷ lệ tổn thất: 4,11%.



2. Doanh thu nước: 6.170 Triệu đồng

Sản lượng: 378.353 m<sup>3</sup>

Tỷ lệ tổn thất: 4,84%

3. Doanh thu khác: 2.848 Triệu đồng

**III. Một số chỉ tiêu Kế hoạch SXKD Quý III năm 2021:**

1. Kinh doanh điện: - Sản lượng: 78.996.000 Kwh

- Doanh thu: 176.800 Triệu đồng

- Tỷ lệ tổn thất: 4,5%

2. Kinh doanh nước: - Sản lượng: 214.015 m<sup>3</sup>

- Doanh thu: 3.541 Triệu đồng

- Tỷ lệ tổn thất: 3,8%

3. Kinh doanh khác: - Doanh thu: 1.700 Triệu đồng

4. Công tác đầu tư cải tạo hệ thống lưới điện:

*HDQT thông qua kết quả hoạt động tài chính thực hiện quý Quý II và 6 tháng đầu năm 2021 ;*

*HDQT thông qua Báo cáo của Ban kiểm toán nội bộ 6 tháng đầu năm 2021 và Kế hoạch kiểm toán nội bộ 6 tháng cuối năm 2021 ;*

*Xem xét, thông qua Nội quy lao động và Một số nội dung khác.*

**e) Phiên họp lần thứ 5 (ngày 29/10/2021)**

**1. Về kết quả kinh doanh Quý III năm 2021:**

**1.1 Kết quả sản xuất kinh doanh:**

- Doanh thu điện: 185.880 triệu đồng; Sản lượng: 83.001.851 Kwh ; Tỷ lệ tổn thất: 4,98%.

- Doanh thu nước: 3.158 triệu đồng ; Sản lượng: 202.074 m<sup>3</sup>; Tỷ lệ tổn thất: 6,30%

- Doanh thu khác: 1.781 triệu đồng

**1.2 Kết quả hoạt động tài chính:**

- Doanh thu: 190.819.372.324, đồng

- Lợi nhuận trước thuế: 13.971.669.979, đồng

- Lợi nhuận sau thuế: 10.956.710.616, đồng

**1.3 Công tác đầu tư cải tạo hệ thống lưới điện:**

- Thi công, xây dựng hoàn thiện TBA Kiêu Đông 4 với công suất 630 KVA-22/0,4KV, xã Hồng Thái - XN Điện An Dương.
- Triển khai thi công 02 TBA: Trạm Hà Phú 4 với công suất 560 KVA - 35/(22)/0,4KV, xã Hòa Bình và TBA Lôi Động 6 với công suất 560 KVA - 35/(22)/0,4KV, xã Hoàng Động – XN Điện Thủy Nguyên.

## **2. Về kết quả SXKD trong 9 tháng năm 2021:**

### **2.1 Kết quả sản xuất kinh doanh:**

- Doanh thu điện: 422.962 triệu đồng ; Sản lượng: 195.174.565 Kwh; Tỷ lệ tổn thất: 4,48 %
- Doanh thu nước: 9.328 triệu đồng; Sản lượng: 580.427 m<sup>3</sup>; Tỷ lệ tổn thất: 5,35 %
- Doanh thu khác: 4.629 triệu đồng

### **2.2 Kết quả hoạt động tài chính:**

- Doanh thu: 436.919.241.674, đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 25.723.474.457, đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 20.275.381.105, đồng

## **3. Kế hoạch SXKD Quý IV năm 2021:**

### **3.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh:**

- Doanh thu điện: 133.650 triệu đồng; Sản lượng: 60.870.000 Kwh; Tỷ lệ tổn thất < 4,6%
- Doanh thu nước: 3.350 triệu đồng ; Sản lượng: 210.000 m<sup>3</sup>; Tỷ lệ tổn thất < 5,07 %
- Doanh thu khác: 1.481 triệu đồng

3.2 Nâng cấp phần mềm quản lý khách hàng, Webservice Công ty.

3.3 Mở rộng liên kết với các ngân hàng và các đơn vị thanh toán trung gian để thu tiền điện, tiền nước.

3.4 Công tác đầu tư cải tạo hệ thống lưới điện: Triển khai các thủ tục và thi công xây dựng mới 08 TBA

3.5 Các công tác khác theo chi tiết bản Báo cáo kết quả SXKD Quý III và kế hoạch Quý IV năm 2021 của Ban Tổng giám đốc lập ngày 20/10/2021.

**4. Các Thành viên HĐQT tham gia thảo luận báo cáo của UBKT, BKTNB kiểm toán tại Xí nghiệp Điện An Dương, HĐQT thông qua báo cáo của UBKT và giao Ban Tổng giám đốc thực hiện nội dung sau:**

4.1 Rà soát, sửa đổi, xây dựng, ban hành các quy định cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định của Pháp luật.

4.2 Ban Tổng giám đốc yêu cầu các Phòng nghiệp vụ và Xí nghiệp Điện An Dương khắc phục những tồn tại theo Báo cáo của UBKT, BKTNB.

4.3 Ban Tổng giám đốc chỉ đạo, thực hiện và kiểm tra, giám sát các nội dung nêu trên, báo cáo Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán trước ngày 31/12/2021.

**5. Xem xét thông qua kế hoạch năm 2022: Kế hoạch sản xuất kinh doanh; Kế hoạch Tài chính; Kế hoạch Tiền lương; Kế hoạch nhân sự .**

**6. Xem xét, thông qua Quy chế Tiền lương, Tiền thưởng**

Bản Quy chế Tiền lương, Tiền thưởng gồm: 6 Chương, 17 Điều. Hiệu lực áp dụng từ 01/01/2022.

## **2. Ủy Ban Kiểm toán**

a) Thành viên và cơ cấu của Ủy ban kiểm toán

TT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP
1.	Tạ Văn Sơn	Thành viên HĐQT - Chủ tịch UBKT (từ tháng 4/2021)	23.717 CP chiếm 0,46 %
2.	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT- Trưởng ban Kiểm toán nội bộ (từ tháng 4/2021)	1.277.535 CP chiếm 24,87 %

b) Hoạt động của Ủy ban kiểm toán

### ***Đánh giá hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong năm 2021:***

Trong năm 2021, Ủy ban kiểm toán đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.

Ủy ban kiểm toán đã thực hiện công tác theo đúng quyền và nghĩa vụ của mình thông qua các hoạt động chính sau đây:

- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2021.

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT năm 2021.

- Xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính, kết quả kinh doanh giữa niên độ và cả năm 2021.

- Rà soát hệ thống Kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;

- Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty;

- Thường xuyên nắm tình hình, giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của Pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty;

- Chủ tịch Ủy ban kiểm toán thường xuyên trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán;

- Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán, Quy chế kiểm toán nội bộ và trình Hội đồng quản trị thông qua ban hành.

*Năm 2021, Ủy ban kiểm toán tổ chức 2 cuộc họp:*

**\* Ngày 29/7/2021, Ủy ban kiểm toán đã họp và thống nhất với các nội dung sau:**

1. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán sau khi thành lập
2. Kết quả giám sát đối với HĐQT, TGD, Cán bộ quản lý
3. Kết quả rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro,
4. Đánh giá tình hình việc Công ty tuân thủ quy định của Pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty
5. Kết quả giám sát tình hình tài chính của Công ty
6. Sự phối hợp giữa UBKT với HĐQT, BTGD và Cổ đông
7. Một số nhận xét và kiến nghị
8. Kế hoạch làm việc của UBKT 6 tháng cuối năm 2021.

**\* Ngày 29/10/2021, Ủy ban kiểm toán đã họp và thống nhất với các nội dung sau:**

1. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán 6 tháng đầu năm 2021;
2. Kết quả giám sát đối với HĐQT, BTGD, Cán bộ quản lý;

3. Kết quả rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro, đánh giá hoạt động của bộ phận Kiểm toán nội bộ

4. Đánh giá tình hình việc Công ty tuân thủ quy định của Pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty

5. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính của Công ty 6 tháng đầu năm 2021;

6. Sự phối hợp giữa UBKT với HĐQT, BTGD và Cổ đông;

7. Một số nhận xét và kiến nghị.

***Kết quả của các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán:***

Các cuộc họp của Ban kiểm soát đều diễn ra tại trụ sở của Công ty cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng. Các thành viên của Ủy ban kiểm toán đã tích cực nghiên cứu, trao đổi, thảo luận và thống nhất các nội dung của cuộc họp.

Kết thúc cuộc họp đều lập thành biên bản; ý kiến tán thành 2/2 chiếm tỷ lệ 100%.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm toán:**

a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, ban giám đốc và ban kiểm toán.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, Thưởng, Thù lao
1	Đỗ Huy Đạt	Chủ tịch HĐQT	1.062.330.533
2	Lê Hữu Cảnh	Ủy viên HĐQT- Tổng GD	1.016.651.812
3	Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên HĐQT- TB KTNB	542.598.000
4	Vũ Thị Lương Dung	Ủy viên HĐQT- Giám đốc KD	664.166.846
5	Tạ Văn Sơn	Ủy viên HĐQT-Chủ tịch UBKT	137.000.000
5	Lại Thị Vinh	Ủy viên HĐQT	153.500.000
6	Nguyễn Thị Thu Hà	Ủy viên ban kiểm toán nội bộ	377.869.193
7	Dương Thùy Linh	Ủy viên ban kiểm toán nội bộ	69.000.000
8	Nguyễn Văn Thao	Phó TGD Công ty	710.359.423
9	Mai Thị Thanh Hà	Kế toán trưởng	398.454.231
	<b>Tổng</b>		<b>5.131.930.038</b>

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: có

c) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Để từng bước nâng cao hiệu quả công tác quản lý, quản trị Công ty:

- + Xây dựng, ban hành các hệ thống quản lý, rà soát, bổ sung những nội dung của Quy định, quy chế không còn phù hợp.
- + Giám sát chặt chẽ, kịp thời thu hồi các khoản nợ phải thu nhằm đảm bảo nguồn vốn hoạt động kinh doanh
- + Các giải pháp, biện pháp để nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh và hoàn thiện các mặt chưa đạt, còn thiếu và yếu.
- + Chấp hành theo các Quy định của Nhà nước.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>67.148.619.193</b>	<b>51.360.608.819</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>26.090.428.352</b>	<b>22.833.025.727</b>
1. Tiền	111		26.090.428.352	22.833.025.727
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>30.890.466.746</b>	<b>18.995.946.672</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	6.887.323.280	4.724.627.348
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	3.957.207.724	4.712.928.227
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	15.100.000.000	100.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.396.075.518	9.908.530.873
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(450.139.776)	(450.139.776)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>9.336.320.182</b>	<b>7.945.248.316</b>
1. Hàng tồn kho	141		9.336.320.182	7.945.248.316
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>831.403.913</b>	<b>1.586.388.104</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	831.403.913	1.586.388.104
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>46.715.433.940</b>	<b>45.837.444.354</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>36.320.742.298</b>	<b>35.593.727.454</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	35.891.048.377	35.099.727.454
- Nguyên giá	222		95.513.425.830	89.615.293.725
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(59.622.377.453)	(54.515.566.271)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	429.693.921	494.000.000
- Nguyên giá	228		625.000.000	570.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(195.306.079)	(76.000.000)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>14</b>	<b>4.358.575.543</b>	<b>4.905.448.004</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.358.575.543	4.905.448.004

<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>15</b>	<b>3.714.332.759</b>	<b>3.933.690.061</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.000.000.000	4.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(285.667.241)	(66.309.939)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.321.783.340</b>	<b>1.404.578.835</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	2.321.783.340	1.404.578.835
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>113.864.053.133</b>	<b>97.198.053.173</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>30.384.996.121</b>	<b>28.451.851.990</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>30.384.996.121</b>	<b>28.451.851.990</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	3.822.015.285	3.604.926.562
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		50.552.188	2.256.516.568
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	3.066.870.194	2.404.730.179
4. Phải trả người lao động	314		653.245.408	579.220.505
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	4.108.802.945	2.469.039.180
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	3.458.286.940	2.751.759.309
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	12.420.000.000	12.590.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.805.223.161	1.795.659.687
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>83.479.057.012</b>	<b>68.746.201.183</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>83.479.057.012</b>	<b>68.746.201.183</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		51.378.500.000	51.378.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		51.378.500.000	51.378.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(50.000.000)	(50.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		557.368.590	557.368.590
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		713.858.604	713.858.604
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.879.329.818	16.146.473.989



- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.698.061.079	882.964.169
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		21.181.268.739	15.263.509.820
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>113.864.053.133</b>	<b>97.198.053.173</b>

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>567.630.676.354</b>	<b>396.381.056.674</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>22</b>	<b>567.630.676.354</b>	<b>396.381.056.674</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	23	521.290.448.160	360.416.321.005
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>46.340.228.194</b>	<b>35.964.735.669</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.369.243.257	1.059.330.270
7. Chi phí tài chính	22	25	1.029.983.692	971.624.495
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		810.626.390	905.314.556
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	14.476.287.476	13.474.243.879
<b>9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}</b>	<b>30</b>		<b>32.203.200.283</b>	<b>22.578.197.565</b>
10. Thu nhập khác	31	28	1.259.317.465	3.066.272.031
11. Chi phí khác	32		80.554.966	32.747.628
<b>12. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.178.762.499</b>	<b>3.033.524.403</b>
<b>13. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>33.381.962.782</b>	<b>25.611.721.968</b>
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	7.062.844.043	5.210.362.148
<b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>26.319.118.739</b>	<b>20.401.359.820</b>
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	5.123	4.390

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị : VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>33.381.962.782</b>	<b>25.611.721.968</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5.226.117.261	5.085.819.139
- Các khoản dự phòng	03		219.357.302	66.309.939
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.369.243.257)	(1.059.330.270)
- Chi phí lãi vay	06		810.626.390	905.314.556
- Các khoản điều chỉnh khác	07			(194.682.655)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>38.268.820.478</b>	<b>30.415.152.677</b>
- Tăng/(giảm) các khoản phải thu	09		3.772.794.843	(926.434.118)
- Tăng/(giảm) hàng tồn kho	10		(1.391.071.866)	(58.861.135)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		504.827.173	650.670.463
- Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12		(162.220.314)	(1.396.173.094)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(793.366.116)	(905.314.556)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.491.350.833)	(4.754.928.561)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(300.999.436)	(210.145.313)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>33.407.433.929</b>	<b>22.813.966.363</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(5.406.259.644)	(12.072.884.329)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(63.000.000.000)	(22.100.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		48.000.000.000	38.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(3.500.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		701.928.340	1.465.117.818
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(19.704.331.304)</b>	<b>1.792.233.489</b>

<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		62.220.000.000	63.190.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(62.390.000.000)	(59.760.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.275.700.000)	(9.248.170.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(10.445.700.000)</b>	<b>(5.818.170.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>3.257.402.625</b>	<b>18.788.029.852</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>22.833.025.727</b>	<b>4.044.995.875</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>		<b>26.090.428.352</b>	<b>22.833.025.727</b>

Hải Phòng, ngày 21 tháng 3 năm 2022  
**CÔNG TY CP ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG**



**CHỦ TỊCH HĐQT**  
*Đỗ Huy Đạt*